

Số: **4203** /BYT-TCCB
V/v tổ chức thi thăng hạng
chức danh nghề nghiệp viên chức
chuyên ngành y tế năm 2019

Hà Nội, ngày **23** tháng 7 năm 2019

Kính gửi:

- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Bộ

Triển khai thực hiện Nghị định số 29/2012/NĐ-CP ngày 12/4/2012 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức; Nghị định số 161/2018/NĐ-CP ngày 29/11/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số quy định về tuyển dụng công chức, viên chức, nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức và thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập (sau đây viết tắt là Nghị định số 161/2018/NĐ-CP); Thông tư số 03/2019/TT-BNV ngày 14/5/2019 của Bộ Nội vụ về sửa đổi, bổ sung một số quy định về tuyển dụng công chức, viên chức, nâng ngạch công chức, thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức và thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập (sau đây viết tắt là Thông tư số 03/2019/TT-BNV); Thông tư liên tịch số 56/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 29/12/2015 của Bộ trưởng Bộ Y tế và Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định về tiêu chuẩn, điều kiện, nội dung, hình thức thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành y tế, Bộ Y tế hướng dẫn một số nội dung cụ thể trong việc tổ chức thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành y tế từ hạng II lên hạng I và từ hạng III lên hạng II năm 2019, cụ thể như sau:

I. ĐỐI TƯỢNG DỰ THI

1. Đối với kỳ thi thăng hạng viên chức từ hạng II lên hạng I

a) Thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ bác sĩ chính (hạng II) lên bác sĩ cao cấp (hạng I):

Viên chức đăng ký dự thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ bác sĩ chính (hạng II) mã số V.08.01.02 lên bác sĩ cao cấp (hạng I) mã số V.08.01.01 (sau đây viết tắt là thi thăng hạng bác sĩ cao cấp) phải là viên chức đang giữ chức danh nghề nghiệp bác sĩ chính (hạng II) mã số V.08.01.02 đang làm việc tại các đơn vị sự nghiệp y tế công lập, có đủ tiêu chuẩn, điều kiện và có khả năng đảm nhận hoặc đang làm việc ở vị trí công tác phù hợp với chức trách, nhiệm vụ của chức danh nghề nghiệp bác sĩ cao cấp (hạng I) quy định tại Điều 4 Thông tư liên tịch số 10/2015/TTLT-BYT-BNV.

b) Thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ bác sĩ y học dự phòng chính (hạng II) lên Bác sĩ y học dự phòng cao cấp (hạng I):

Viên chức đăng ký dự thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ Bác sĩ y học dự phòng chính (hạng II) mã số V.08.02.05 lên Bác sĩ y học dự phòng cao cấp (hạng I) mã số V.08.02.04 (sau đây viết tắt là thi thăng hạng bác sĩ y học dự phòng cao cấp) phải là viên chức đang giữ chức danh nghề nghiệp Bác sĩ y học dự phòng chính (hạng II) mã số V.08.02.05 đang làm việc tại các đơn vị sự nghiệp y tế công lập, có đủ tiêu chuẩn, điều kiện và có khả năng đảm nhận hoặc đang làm việc ở vị trí công tác phù hợp với chức trách, nhiệm vụ của chức danh nghề nghiệp bác sĩ y học dự phòng cao cấp (hạng I) quy định tại Điều 7 Thông tư liên tịch số 10/2015/TTLT-BYT-BNV.

c) Thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ dược sĩ chính (hạng II) lên dược sĩ cao cấp (hạng I):

Viên chức đăng ký dự thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ dược sĩ chính (hạng II) mã số V.08.08.21 lên dược sĩ cao cấp (hạng I) mã số V.08.08.20 (sau đây viết tắt là thi thăng hạng dược sĩ cao cấp) phải là viên chức đang giữ chức danh nghề nghiệp dược sĩ chính (hạng II) mã số V.08.08.21 đang làm việc tại các đơn vị sự nghiệp y tế công lập, có đủ tiêu chuẩn, điều kiện và có khả năng đảm nhận hoặc đang làm việc ở vị trí công tác phù hợp với chức trách, nhiệm vụ của chức danh nghề nghiệp dược sĩ cao cấp (hạng I) quy định tại Điều 4 Thông tư liên tịch số 27/2015/TTLT-BYT-BNV.

2. Đối với kỳ thi thăng hạng viên chức từ hạng III lên hạng II

a) Thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ bác sĩ (hạng III) lên bác sĩ chính (hạng II):

Viên chức đăng ký dự thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ bác sĩ (hạng III) mã số V.08.01.03 lên bác sĩ chính (hạng II) mã số V.08.01.02 (sau đây viết tắt là thi thăng hạng bác sĩ chính) phải là viên chức đang giữ chức danh nghề nghiệp bác sĩ (hạng III) mã số V.08.01.03 đang làm việc tại các đơn vị sự nghiệp y tế công lập, có đủ tiêu chuẩn, điều kiện và có khả năng đảm nhận hoặc đang làm việc ở vị trí công tác phù hợp với chức trách, nhiệm vụ của chức danh nghề nghiệp bác sĩ chính (hạng II) quy định tại Điều 5 Thông tư liên tịch số 10/2015/TTLT-BYT-BNV.

b) Thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ bác sĩ y học dự phòng (hạng III) lên Bác sĩ y học dự phòng chính (hạng II):

Viên chức đăng ký dự thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ Bác sĩ y học dự phòng (hạng III) mã số V.08.02.06 lên Bác sĩ y học dự phòng chính (hạng II) mã số V.08.02.05 (sau đây viết tắt là thi thăng hạng bác sĩ y học dự phòng chính)

phải là viên chức đang giữ chức danh nghề nghiệp Bác sĩ y học dự phòng (hạng III) mã số V.08.02.06 đang làm việc tại các đơn vị sự nghiệp y tế công lập, có đủ tiêu chuẩn, điều kiện và có khả năng đảm nhận hoặc đang làm việc ở vị trí công tác phù hợp với chức trách, nhiệm vụ của chức danh nghề nghiệp bác sĩ y học dự phòng chính (hạng II) quy định tại Điều 8 Thông tư liên tịch số 10/2015/TTLT-BYT-BNV.

c) Thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ y tế công cộng (hạng III) lên y tế công cộng chính (hạng II):

Viên chức đăng ký dự thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ y tế công cộng (hạng III) mã số V.08.04.10 lên y tế công cộng chính (hạng II) mã số V.08.04.09 (sau đây viết tắt là thi thăng hạng y tế công cộng chính) phải là viên chức đang giữ chức danh nghề nghiệp y tế công cộng (hạng III) mã số V.08.04.10 đang làm việc tại các đơn vị sự nghiệp y tế công lập, có đủ tiêu chuẩn, điều kiện và có khả năng đảm nhận hoặc đang làm việc ở vị trí công tác phù hợp với chức trách, nhiệm vụ của chức danh nghề nghiệp y tế công cộng chính (hạng II) quy định tại Điều 5 Thông tư liên tịch số 11/2015/TTLT-BYT-BNV.

d) Thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ dược sĩ (hạng III) lên dược sĩ chính (hạng II):

Viên chức đăng ký dự thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ dược sĩ (hạng III) mã số V.08.08.22 lên dược sĩ chính (hạng II) mã số V.08.08.21 (sau đây viết tắt là thi thăng hạng dược sĩ chính) phải là viên chức đang giữ chức danh nghề nghiệp dược sĩ (hạng III) mã số V.08.08.22 đang làm việc tại các đơn vị sự nghiệp y tế công lập, có đủ tiêu chuẩn, điều kiện và có khả năng đảm nhận hoặc đang làm việc ở vị trí công tác phù hợp với chức trách, nhiệm vụ của chức danh nghề nghiệp dược sĩ chính (hạng II) quy định tại Điều 5 Thông tư liên tịch số 27/2015/TTLT-BYT-BNV.

e) Thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ kỹ thuật y hạng III lên kỹ thuật y hạng II:

Viên chức đăng ký dự thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ kỹ thuật y hạng III mã số V.08.07.18 lên kỹ thuật y hạng II mã số V.08.07.17 phải là viên chức đang giữ chức danh nghề nghiệp kỹ thuật y hạng III mã số V.08.07.18 đang làm việc tại các đơn vị sự nghiệp y tế công lập, có đủ tiêu chuẩn, điều kiện và có khả năng đảm nhận hoặc đang làm việc ở vị trí công tác phù hợp với chức trách, nhiệm vụ của chức danh nghề nghiệp kỹ thuật y hạng II quy định tại Điều 10 Thông tư liên tịch số 26/2015/TTLT-BYT-BNV.

g) Thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ điều dưỡng hạng III lên điều dưỡng hạng II:

Viên chức đăng ký dự thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ điều dưỡng hạng III mã số V.08.05.12 lên điều dưỡng hạng II mã số V.08.05.11 phải là viên chức đang giữ chức danh nghề nghiệp điều dưỡng hạng III mã số V.08.05.12 đang làm việc tại các đơn vị sự nghiệp y tế công lập, có đủ tiêu chuẩn, điều kiện và có khả năng đảm nhận hoặc đang làm việc ở vị trí công tác phù hợp với chức trách, nhiệm vụ của chức danh nghề nghiệp điều dưỡng hạng II quy định tại Điều 4 Thông tư liên tịch số 26/2015/TTLT-BYT-BNV.

II. TIÊU CHUẨN, ĐIỀU KIỆN ĐĂNG KÝ DỰ THI

Viên chức được đăng ký dự thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành y tế khi đảm bảo đủ các tiêu chuẩn, điều kiện sau đây:

1. Đơn vị sự nghiệp công lập có nhu cầu.
2. Được cơ quan, tổ chức, đơn vị có thẩm quyền quản lý hoặc sử dụng viên chức cử tham dự thi.
3. Được cơ quan, tổ chức, đơn vị sử dụng viên chức đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ trong thời gian ba năm liên tục tính đến thời điểm nộp hồ sơ, có phẩm chất đạo đức tốt; không trong thời gian bị thi hành kỷ luật hoặc đã có thông báo về việc xem xét xử lý kỷ luật theo quy định của pháp luật.
4. Đang giữ chức danh nghề nghiệp có cùng 4 chữ số đầu trong mã số chức danh nghề nghiệp với chức danh nghề nghiệp đăng ký dự thi thăng hạng:
 - Đang giữ chức danh nghề nghiệp bác sĩ chính (hạng II), mã số V.08.01.02 đối với thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp bác sĩ cao cấp hạng I.
 - Đang giữ chức danh nghề nghiệp bác sĩ y học dự phòng chính (hạng II), mã số V.08.02.05 đối với thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp bác sĩ y học dự phòng cao cấp hạng I.
 - Đang giữ chức danh nghề nghiệp dược sĩ chính (hạng II), mã số V.08.08.21 đối với thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp dược sĩ cao cấp hạng I.
 - Đang giữ chức danh nghề nghiệp bác sĩ (hạng III), mã số V.08.01.03 đối với thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp bác sĩ chính hạng II.
 - Đang giữ chức danh nghề nghiệp bác sĩ y học dự phòng (hạng III), mã số V.08.02.06 đối với thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp bác sĩ y học dự phòng chính hạng II.
 - Đang giữ chức danh nghề nghiệp y tế công cộng (hạng III), mã số V.08.04.10 đối với thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp y tế công cộng chính hạng II.
 - Đang giữ chức danh nghề nghiệp dược sĩ (hạng III), mã số V.08.08.22 đối với thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp dược sĩ chính hạng II.
 - Đang giữ chức danh nghề nghiệp điều dưỡng (hạng III), mã số V.08.05.12 đối với thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp điều dưỡng hạng II.

- Đang giữ chức danh nghề nghiệp kỹ thuật y (hạng III), mã số V.08.07.18 đối với thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp kỹ thuật y hạng II.

5. Có khả năng đảm nhiệm hoặc đang làm việc ở vị trí công việc phù hợp với hạng chức danh nghề nghiệp đăng ký dự thi thăng hạng.

6. Có đủ tiêu chuẩn của hạng chức danh nghề nghiệp đăng ký dự thi:

- Có đủ tiêu chuẩn của chức danh nghề nghiệp bác sĩ cao cấp (hạng I) quy định tại Điều 4 Thông tư liên tịch số 10/2015/TTLT-BYT-BNV đối với thi thăng hạng bác sĩ cao cấp hạng I.

- Có đủ tiêu chuẩn của chức danh nghề nghiệp bác sĩ y học dự phòng cao cấp (hạng I) quy định tại Điều 7 Thông tư liên tịch số 10/2015/TTLT-BYT-BNV đối với thi thăng hạng bác sĩ y học dự phòng cao cấp hạng I.

- Có đủ tiêu chuẩn của chức danh nghề nghiệp dược sĩ cao cấp (hạng I) quy định tại Điều 4 Thông tư liên tịch số 27/2015/TTLT-BYT-BNV đối với thi thăng hạng dược sĩ cao cấp hạng I.

- Có đủ tiêu chuẩn của chức danh nghề nghiệp bác sĩ chính (hạng II) quy định tại Điều 5 Thông tư liên tịch số 10/2015/TTLT-BYT-BNV đối với thi thăng hạng bác sĩ chính hạng II.

- Có đủ tiêu chuẩn của chức danh nghề nghiệp bác sĩ y học dự phòng chính (hạng II) quy định tại Điều 8 Thông tư liên tịch số 10/2015/TTLT-BYT-BNV đối với thi thăng hạng bác sĩ y học dự phòng chính hạng II.

- Có đủ tiêu chuẩn của chức danh nghề nghiệp y tế công cộng chính (hạng II) quy định tại Điều 5 Thông tư liên tịch số 11/2015/TTLT-BYT-BNV đối với thi thăng hạng y tế công cộng chính hạng II.

- Có đủ tiêu chuẩn của chức danh nghề nghiệp dược sĩ chính (hạng II) quy định tại Điều 5 Thông tư liên tịch số 27/2015/TTLT-BYT-BNV đối với thi thăng hạng dược sĩ chính hạng II.

- Có đủ tiêu chuẩn của chức danh nghề nghiệp kỹ thuật y hạng II quy định tại Điều 10 Thông tư liên tịch số 26/2015/TTLT-BYT-BNV đối với thi thăng hạng kỹ thuật y hạng II.

- Có đủ tiêu chuẩn của chức danh nghề nghiệp điều dưỡng hạng II quy định tại Điều 4 Thông tư liên tịch số 26/2015/TTLT-BYT-BNV đối với thi thăng hạng điều dưỡng hạng II.

7. Lưu ý: đơn vị chỉ cử viên chức dự thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp chuyên ngành y tế đối với những viên chức đã có hoặc đang học chứng chỉ bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành y tế.

III. HỒ SƠ ĐĂNG KÝ DỰ THI

1. Nội dung hồ sơ đăng ký dự thi

- Đơn đăng ký dự thi (theo mẫu số 1);

- Bản sơ yếu lý lịch của viên chức theo quy định tại Thông tư số 12/2012/TT-BNV, có xác nhận của cơ quan quản lý hoặc sử dụng viên chức (theo mẫu số 2);

- Bản nhận xét, đánh giá của người đứng đầu cơ quan sử dụng viên chức theo các tiêu chí phân loại đánh giá viên chức ở mức hoàn thành tốt nhiệm vụ quy định tại Điều 26, Nghị định số 56/2015/NĐ-CP ngày 09/06/2015 của Chính phủ về đánh giá, phân loại cán bộ, công chức, viên chức (theo mẫu số 3);

- Bản sao các văn bằng, chứng chỉ của viên chức theo tiêu chuẩn của chức danh nghề nghiệp đăng ký dự thi được cơ quan có thẩm quyền chứng thực.

- Bản sao các quyết định, biên bản nghiệm thu đề án, đề tài, hoặc sáng chế hoặc phát minh khoa học đã được cấp có thẩm quyền công nhận.

- Bản sao các quyết định: Bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp viên chức, nâng lương gần nhất;

- Giấy chứng nhận sức khỏe do cơ quan y tế có thẩm quyền cấp trong thời hạn 30 ngày, tính đến thời điểm cuối cùng nộp hồ sơ đăng ký thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp.

Hồ sơ đăng ký dự thi của mỗi viên chức được bỏ vào một bì đựng riêng có kích thước 250 x 340 x 5mm (theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 1 Quyết định số 06/2007/QĐ-BNV ngày 18/6/2007 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về việc ban hành thành phần hồ sơ cán bộ, công chức và mẫu biểu quản lý hồ sơ cán bộ, công chức).

2. Trách nhiệm quản lý hồ sơ đăng ký dự thi thăng hạng

a) Cơ quan, đơn vị cử viên chức dự thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp chịu trách nhiệm trước pháp luật về tiêu chuẩn, điều kiện của viên chức được cử dự thi; lưu giữ và quản lý hồ sơ đăng ký dự thi thăng hạng của viên chức tham dự kỳ thi theo quy định của pháp luật.

b) Người đứng đầu cơ quan, đơn vị có thẩm quyền cử viên chức dự thi thăng hạng và viên chức dự thi thăng hạng phải chịu trách nhiệm về tính trung thực đối với các nội dung trong hồ sơ dự thi thăng hạng. Mọi gian dối, khai man, thiếu trung thực liên quan đến nội dung hồ sơ dự thi thăng hạng sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật.

IV. NỘI DUNG, HÌNH THỨC VÀ THỜI GIAN THI

1. Đối với kỳ thi thăng hạng viên chức từ hạng II lên hạng I

a) Môn thi kiến thức chung

- Hình thức thi: Tự luận.

- Thời gian thi: 180 phút.

- Nội dung thi: Kiểm tra kiến thức, năng lực hiểu biết của viên chức về quan điểm, chủ trương đường lối của Đảng về công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân; định hướng chiến lược phát triển của ngành, lĩnh vực và hiểu

biết về pháp luật chuyên ngành; áp dụng vào thực tiễn để đưa ra giải pháp đối với các vấn đề nảy sinh trong thực tế của ngành, lĩnh vực phù hợp với tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp hạng I (60% nội dung thi) và hiểu biết pháp luật viên chức (40% nội dung thi).

b) Môn thi chuyên môn, nghiệp vụ

- Hình thức thi: viết và trình bày, bảo vệ đề án hoặc xây dựng quy trình chuyên môn, kỹ thuật và trình bày, bảo vệ quy trình chuyên môn, kỹ thuật.

- Thời gian thi:

Viết đề án hoặc xây dựng quy trình chuyên môn, kỹ thuật: 8 giờ (480 phút);

Trình bày và bảo vệ đề án hoặc quy trình chuyên môn, kỹ thuật: 30 phút.

- Nội dung thi: kiểm tra và đánh giá trình độ, năng lực và kỹ năng xây dựng đề án, trình bày và bảo vệ các nội dung đề án, giải pháp giải quyết các vấn đề đang đặt ra trong thực tiễn gắn với tiêu chuẩn về trình độ, năng lực chuyên môn nghiệp vụ của chức danh nghề nghiệp hạng I.

c) Môn thi ngoại ngữ

- Hình thức thi: viết và phỏng vấn.

- Thời gian thi: viết là 90 phút và phỏng vấn (hội thoại) là 15 phút.

- Nội dung thi: kiểm tra các kỹ năng: đọc hiểu, viết, nghe và nghe nói (hội thoại) ở bậc 4 theo quy định của tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp hạng I.

d) Môn thi tin học:

- Hình thức thi: trắc nghiệm hoặc thực hành trên máy vi tính.

- Thời gian thi: 45 phút.

- Nội dung thi: kiểm tra hiểu biết về hệ điều hành Windows, sử dụng các ứng dụng của Microsoft Office, sử dụng Internet.

2. Đối với kỳ thi thăng hạng viên chức từ hạng III lên hạng II

a) Môn thi kiến thức chung.

- Hình thức thi: Tự luận. Thời gian thi: 180 phút.

- Nội dung thi: kiểm tra kiến thức, năng lực hiểu biết của viên chức về định hướng chiến lược phát triển của ngành và hiểu biết về pháp luật chuyên ngành phù hợp với tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp hạng II (với 60% nội dung thi) và hiểu biết pháp luật viên chức (với 40% nội dung thi).

b) Môn thi chuyên môn, nghiệp vụ

- Hình thức thi: trắc nghiệm hoặc thực hành do Hội đồng thi quyết định.

- Thời gian thi: trắc nghiệm 45 phút hoặc thực hành 30 phút.

- Nội dung thi: kiểm tra và đánh giá trình độ, năng lực, đề xuất giải pháp giải quyết các vấn đề đang đặt ra trong thực tiễn gắn với tiêu chuẩn về trình độ, năng lực chuyên môn nghiệp vụ của chức danh nghề nghiệp hạng II.

c) Môn thi ngoại ngữ

- Hình thức thi: viết.

- Thời gian thi: 90 phút.

c) Nội dung thi: kiểm tra các kỹ năng: đọc hiểu, viết ở trình độ bậc 3 theo quy định của tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp hạng II.

d) Môn thi tin học

- Hình thức thi: trắc nghiệm hoặc thực hành trên máy vi tính.

- Thời gian thi: 45 phút.

- Nội dung thi: kiểm tra hiểu biết về hệ điều hành Windows, sử dụng các ứng dụng của Microsoft Office, sử dụng Internet.

V. ĐIỀU KIỆN MIỄN THI MÔN NGOẠI NGỮ, TIN HỌC

1. Miễn thi môn ngoại ngữ đối với các trường hợp sau:

- Viên chức tính đến ngày 31 tháng 12 của năm tổ chức thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp có tuổi đời từ đủ 55 tuổi trở lên đối với nam và từ đủ 50 tuổi trở lên đối với nữ;

- Viên chức có bằng tốt nghiệp đại học thứ hai là bằng ngoại ngữ;

- Viên chức tốt nghiệp đại học, sau đại học ở nước ngoài.

- Đối với viên chức dự thi kỳ thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành y tế từ hạng III lên hạng II của các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương được miễn thi ngoại ngữ nếu đang làm việc ở vùng dân tộc thiểu số, có chứng chỉ đào tạo tiếng dân tộc thiểu số do cơ sở đào tạo cấp theo thẩm quyền hoặc viên chức là người dân tộc thiểu số đang làm việc ở vùng dân tộc thiểu số.

2. Miễn thi môn tin học:

Miễn thi môn tin học đối với viên chức đã tốt nghiệp từ trung cấp chuyên ngành công nghệ thông tin trở lên.

VI. VỀ TƯƠNG ĐƯƠNG TRÌNH ĐỘ NGOẠI NGỮ, TIN HỌC

1. Về việc tính tương đương trình độ ngoại ngữ đối với viên chức dự thi thăng hạng từ hạng II lên hạng I:

- Có chứng chỉ ngoại ngữ với trình độ tương đương bậc 4 khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam. Việc xác định chứng chỉ ngoại ngữ tương đương bậc 4 khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam thực hiện theo quy định tại Thông tư số 15/2014/TT-BGDĐT ngày 15/5/2014 và Thông tư số 08/2017/TT-BGDĐT ngày 04/4/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ

thạc sĩ; Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ (sau đây viết tắt là Thông tư số 15/2014/TT-BGDĐT và Thông tư số 08/2017/TT-BGDĐT và hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo tại Công văn số 3755/BGDĐT-GDĐT ngày 03/8/2016 và Công văn số 6089/BGDĐT-GDĐT ngày 27/10/2014 về việc quy định chứng chỉ ngoại ngữ (sau đây viết tắt là Công văn số 3755/BGDĐT-GDĐT và Công văn số 6089/BGDĐT-GDĐT).

- Có bằng tốt nghiệp tiến sĩ, tính từ ngày 22/6/2009 trở lại đây (theo quy định tại Thông tư số 10/2009/TT-BGDĐT ngày 07/5/2009 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ tiến sĩ và Thông tư số 05/2012/TT-BGDĐT ngày 15/02/2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc sửa đổi, bổ sung Thông tư số 10/2009/TT-BGDĐT, trước khi bảo vệ luận án phải có chứng chỉ ngoại ngữ tương đương cấp B2 hoặc bậc 4 trở lên theo khung Châu Âu).

2. Về việc tính tương đương trình độ ngoại ngữ đối với viên chức dự thi thăng hạng từ hạng III lên hạng II:

- Có chứng chỉ ngoại ngữ với trình độ tương đương bậc 3 khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam. Việc xác định chứng chỉ ngoại ngữ tương đương bậc 3 khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam thực hiện theo quy định tại Thông tư số 15/2014/TT-BGDĐT và Thông tư số 08/2017/TT-BGDĐT và hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo tại Công văn số 3755/BGDĐT-GDĐT và Công văn số 6089/BGDĐT-GDĐT.

- Có bằng tốt nghiệp thạc sĩ, tính từ ngày 15/4/2011 trở lại đây (theo quy định tại Thông tư số 10/2009/TT-BGDĐT ngày 07/5/2009 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ, trước khi bảo vệ luận án phải có chứng chỉ ngoại ngữ tương đương cấp B1 hoặc bậc 3 trở lên theo khung Châu Âu).

- Có bằng tốt nghiệp tiến sĩ, tính từ ngày 22/6/2009 trở lại đây;

3. Về việc tính tương đương trình độ tin học

Có chứng chỉ tin học với trình độ tương đương trình độ đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11/3/2014 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và truyền Thông quy định chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin. Việc xác định chứng chỉ tin học tương đương trình độ đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo tại Công văn số 3755/BGDĐT-GDĐT và hướng dẫn của Bộ Thông tin và truyền thông tại Công văn số 3562/BTTTT-CNTT ngày 03/11/2015 và Công văn số 3656/BTTTT-CNTT ngày 15/12/2014 hướng dẫn việc quy đổi chứng chỉ tin học khi cán bộ, công chức, viên chức dự thi nâng ngạch công chức và thăng hạng viên chức.

VII. XÁC ĐỊNH NGƯỜI TRÚNG TUYỂN TRONG KỲ THI THĂNG HẠNG CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP

Viên chức trúng tuyển trong kỳ thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành y tế phải dự thi đủ các bài thi của các môn thi, trừ những môn được miễn thi theo quy định của pháp luật; có số điểm mỗi bài thi đạt từ 50 điểm trở lên, các bài thi được chấm theo thang điểm 100. Không bảo lưu kết quả trong kỳ thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành y tế năm 2019.

VIII. CỬ VIÊN CHỨC DỰ THI THĂNG HẠNG

1. Đối với kỳ thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành y tế từ hạng II lên hạng I.

a) Theo quy định tại khoản 14 Điều 2 Nghị định số 161/2018/NĐ-CP của Chính phủ thì các Bộ quản lý chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành tổ chức thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức đối với chức danh tương đương chuyên viên cao cấp.

b) Các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Bộ và các Bộ, ngành, địa phương báo cáo cụ thể về:

- Danh mục, số lượng vị trí việc làm và cơ cấu viên chức theo Đề án vị trí việc làm của đơn vị đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt (theo mẫu số 4a).

- Số lượng viên chức bác sĩ cao cấp/bác sĩ y học dự phòng cao cấp/dược sĩ cao cấp còn thiếu theo yêu cầu của vị trí việc làm (theo mẫu số 5a);

- Danh sách viên chức có đủ tiêu chuẩn, điều kiện, có khả năng đảm nhận hoặc làm việc ở vị trí việc làm theo yêu cầu của chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành y tế hạng I của các chức danh bác sĩ, bác sĩ y học dự phòng, dược sĩ (theo mẫu số 6a);

c) Căn cứ đề nghị số lượng viên chức dự thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành y tế từ hạng II lên hạng I của các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Bộ và các Bộ, ngành, địa phương, Bộ Y tế xây dựng Đề án và tổ chức thi thăng hạng theo quy định của pháp luật.

d) Văn bản cử viên chức dự thi, các biểu mẫu, danh sách viên chức có đủ tiêu chuẩn, điều kiện dự thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành y tế từ hạng II lên hạng I (theo mẫu số 4a, 5a, 6a) của các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Bộ, các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương của các Bộ, ngành, địa phương phải do người đứng đầu đơn vị, lãnh đạo Bộ, cơ quan ngang Bộ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương ký gửi Bộ Y tế.

e) Đối với các trường hợp được miễn thi bài thi ngoại ngữ và tin học, đề nghị các đơn vị, Bộ, ngành, địa phương gửi kèm theo bản sảo (được cơ quan có thẩm quyền công chứng, chứng thực) các văn bằng, chứng chỉ làm căn cứ miễn thi bài thi ngoại ngữ, tin học để Bộ Y tế thẩm định.

2. Đối với kỳ thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành y tế từ hạng III lên hạng II.

2.1. Đối với các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Bộ

a) Các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Bộ báo cáo Bộ Y tế cụ thể về:

- Danh mục, số lượng vị trí việc làm và cơ cấu viên chức theo Đề án vị trí việc làm của đơn vị đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt (*theo mẫu số 4b*).

- Số lượng viên chức hạng II của các chức danh bác sĩ/bác sĩ y học dự phòng/y tế công cộng/dược sĩ/điều dưỡng/kỹ thuật y còn thiếu theo yêu cầu của vị trí việc làm (*theo mẫu số 5b*);

b) Đơn vị sự nghiệp trực thuộc Bộ có trách nhiệm thông báo công khai trong toàn đơn vị về kế hoạch tổ chức thi thăng hạng từ chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành y tế từ hạng III lên hạng II của các chức danh bác sĩ/bác sĩ y học dự phòng/y tế công cộng/dược sĩ/điều dưỡng/kỹ thuật y để viên chức có đủ điều kiện, tiêu chuẩn đăng ký dự thi.

c) Viên chức có đủ điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định đều có quyền đăng ký dự thi và phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của nội dung hồ sơ đăng ký dự thi.

d) Đơn vị sự nghiệp trực thuộc Bộ xem xét, cử viên chức đủ tiêu chuẩn, điều kiện dự thi; chịu trách nhiệm về lý lịch, phẩm chất đạo đức, văn bằng, chứng chỉ, thời gian giữ hạng chức danh nghề nghiệp, việc đã chủ trì xây dựng đề án, đề tài hoặc sáng chế hoặc phát minh khoa học và các điều kiện, tiêu chuẩn khác theo quy định của chức danh nghề nghiệp hạng II. Lưu giữ và quản lý hồ sơ dự thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp của viên chức theo quy định.

Văn bản cử viên chức dự thi và các biểu mẫu, danh sách viên chức có đủ tiêu chuẩn, điều kiện dự thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành y tế từ hạng III lên hạng II của đơn vị sự nghiệp trực thuộc Bộ (*theo mẫu số 4b, 5b, 6b*) gửi về Bộ Y tế phải do người đứng đầu đơn vị ký.

e) Đối với các trường hợp được miễn thi bài thi ngoại ngữ và tin học, đề nghị các đơn vị sự nghiệp trực thuộc gửi kèm theo bản sào (được cơ quan có thẩm quyền công chứng, chứng thực) các văn bằng, chứng chỉ làm căn cứ miễn thi bài thi ngoại ngữ, tin học để Bộ Y tế thẩm định.

2.2. Đối với các Bộ, ngành, địa phương

a) Theo quy định tại điểm 2 khoản 4 Điều 2 Nghị định số 161/2018/NĐ-CP thì các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có thẩm quyền tổ chức thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức từ hạng III lên hạng II theo quy định hiện hành.

b) Trường hợp các Bộ, ngành, địa phương không tổ chức thi và muốn cử viên chức tham dự kỳ thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành y tế từ hạng III lên hạng II năm 2019 do Bộ Y tế tổ chức thì phải có văn bản cử viên chức đủ điều kiện, tiêu chuẩn tham dự kỳ thi do Lãnh đạo Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương ký gửi Bộ Y tế. Danh sách viên chức đủ điều kiện, tiêu chuẩn được cử dự thi lập theo *Mẫu số 6b* gửi kèm công văn này, Bộ Y tế sẽ xây dựng Đề án gửi Bộ Nội vụ thống nhất trước khi tổ chức kỳ thi.

c) Đối với các trường hợp được miễn thi bài thi ngoại ngữ và tin học, đề nghị các Bộ, ngành, địa phương gửi kèm theo bản sao (được cơ quan có thẩm quyền công chứng, chứng thực) các văn bằng, chứng chỉ làm căn cứ miễn thi bài thi ngoại ngữ, tin học để Bộ Y tế thẩm định.

3. Thời hạn gửi văn bản cử viên chức dự thi

a) Văn bản cử viên chức dự thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành y tế từ hạng III lên hạng II, từ hạng II lên hạng I năm 2019 của các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Bộ, Lãnh đạo Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đề nghị gửi về Bộ Y tế (qua Vụ Tổ chức cán bộ) trước ngày **02/12/2019** (theo dấu bưu điện nơi gửi) theo địa chỉ: Vụ Tổ chức cán bộ, Bộ Y tế, 138A, Giảng Võ, Ba Đình, Hà Nội, file mềm gửi về địa chỉ email: thaodtp.tccb@moh.gov.vn.

c) Bộ Y tế nhận văn bản cử viên chức dự thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành y tế năm 2019 của các đơn vị khi có đầy đủ các biểu mẫu theo yêu cầu nêu tại công văn này. Cung cấp thông tin (tên, số điện thoại, email) của chuyên viên phụ trách về danh sách, hồ sơ của viên chức đăng ký dự thi để thuận tiện phối hợp công tác.

Trong quá trình cử viên chức dự thi, nếu có vướng mắc đề nghị đơn vị phản ánh qua địa chỉ email: thaodtp.tccb@moh.gov.vn để được hướng dẫn.

d) Quá thời hạn gửi văn bản nêu trên, Bộ Y tế không tiếp nhận văn bản cử dự thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành y tế năm 2019.

4. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, đề nghị phản ánh về Bộ Y tế (qua Vụ Tổ chức cán bộ) để được nghiên cứu, giải quyết.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Sở Y tế các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Y tế các Bộ, ngành;
- Các Tập đoàn, Tổng công ty nhà nước;
- Cổng thông tin điện tử Bộ Y tế;
- Lưu: VT, TCCB.

